

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MINH
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 3 năm 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MINH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lệnh Đức Tuyên;

2. Bà Vừ Thị Chờ.

- Thư ký phiên toà: Ông Lâm Thái Hùng – Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Yên Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST- HNGĐ ngày 06/01/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Sìn A C, sinh năm 1980; nghề nghiệp: cán bộ; dân tộc: Dao; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Cháng Thị P, sinh năm 1985; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Dao; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người phiên dịch tiếng dân tộc Dao: Bà Lý Thị Nhung, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2023 và Bản tự khai đề ngày 05/02/2023 của nguyên đơn ông Sìn A C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Cháng Thị P, sinh năm 1985, trú tại: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang, qua mai mối của hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương và cả hai về nhà bà P chung sống cùng nhau từ khoảng tháng 9 năm 2002, tuy nhiên không đăng ký kết hôn vì khi đó bà P chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn và cho đến nay giữa hai ông bà vẫn chưa đến cơ quan có thẩm

quyền để đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và ly thân nhau cho đến nay, cả hai không còn quan tâm gì đến nhau nữa, ông Chung đã chuyển đến nơi làm việc cư trú. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không được tìm hiểu nhau mà là do sự sắp đặt của gia đình dẫn đến trong cuộc sống không tìm được tiếng nói chung, mặc dù cả hai đã rất nỗ lực để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Bản thân ông C nhận thấy không còn tình cảm gì với bà P nữa và cho đến nay ông bà vẫn chưa đi đăng ký kết hôn do vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà P được ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng).

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa ông Chung và bà P có 02 con chung gồm: Cháu Sìn Văn H, sinh ngày 02/9/2003, cháu Sìn Thị H1, sinh ngày 15/8/2007. Khi ly hôn ông Chung đề nghị bà P nuôi dưỡng con chung là cháu Sìn Thị H1, ông Chung cấp dưỡng nuôi cháu H1 với mức 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Hiên đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Đối với con chung là cháu Sìn Văn H, sinh ngày 02/9/2003, hiện cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi do vậy ông C không có yêu cầu gì.

- Về tài sản, công nợ chung: Ông C xin đề ông và bà P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 10/02/2023 của bị đơn bà Cháng Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C, chung sống với nhau từ năm 2002 và cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn, quá trình chung sống bà và ông C có với nhau 02 con chung, quá trình chung sống ông C không giúp đỡ bà P trong công việc mà một mình bà tự làm lụng vất vả để nuôi con, nuôi ông C ăn học. Ông C đã vay mượn tiền rất nhiều khiến bà phải trả lãi suất hàng tháng cho ngân hàng, khi không có tiền nộp ông C và bà lại xảy ra cãi vã mâu thuẫn với nhau, đến ngày 03/3/2020 ông C về nhà bố mẹ đẻ sinh sống sau đó ông C yêu cầu thôn tổ chức hòa giải ly thân với bà P, tuy nhiên do bà không nhất trí với việc ly thân nên bà không ký vào biên bản thỏa thuận. Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án bà nhất trí ly hôn với ông C nếu ông C giao 2 con cho bà nuôi dưỡng; ông C phải để lại tài sản chung là ngôi nhà và ruộng đất của ông Chung cho bà và các con sử dụng; ông C phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp tại Ngân hàng cho bà.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 10/02/2023 nguyên đơn ông Sìn A C giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kiện và thay đổi về việc không cấp dưỡng nuôi con; bị đơn bà Cháng Thị P không nhất trí ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông C đoàn tụ, về con chung nhất trí nuôi dưỡng cháu Sìn Thị H1, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, về tài sản công nợ không có yêu cầu, không có yêu cầu phản tố.

Tại Biên bản xác ngày 09/02/2023 tại xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang đã xác định được ông Sìn A C và bà Cháng Thị P đều có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Y, tỉnh Hà Giang, ông Chung và bà P chung sống như vợ chồng từ thời điểm tháng 9 năm 2002 cho đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, quá

trình chung sống ông Chung và bà P có với nhau 02 con chung là Sìn Văn H, sinh ngày 02/9/2003, cháu Sìn Thị H1, sinh ngày 15/8/2007 hiện cháu H đã đi làm xa, cháu H1 đang đi học và ở với bà Cháng Thị P; mức thu nhập bình quân trên đầu người tại địa phương xã N là 16.200.000đ/người/năm; về điều kiện việc làm của bà P hiện đang làm nghề trồng trọt và làm thêm các công việc khác kiếm thêm thu nhập, ông Chung là cán bộ của UBND xã M; hiện ông Chung và bà P không chung sống cùng nhau.

Tại biên bản lấy ý kiến của con chung đối với cháu Sìn Thị H1, sinh ngày 15/8/2007, cháu H1 có nguyện vọng được ở cùng mẹ là Cháng Thị P.

Tại đơn xin xác nhận mức lương ngày 13/02/2023 của ông Sìn A C thì công việc của ông C là cán bộ, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; mức thu nhập chính của ông C từ lương là 8.607.000đ (tám triệu sáu trăm linh bảy nghìn đồng).

Tại phiên toà, nguyên đơn ông Sìn A C vẫn giữ nguyên quan điểm về đề nghị Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà P ; về con chung ông C đề nghị để bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sìn Thị H1, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với cháu Sìn Văn H hiện đã trên 18 tuổi nên không có yêu cầu gì; về tài sản công nợ chung ông C xin tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Cháng Thị P không nhất trí ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm với ông C mong muốn cùng nhau chung sống nuôi con khôn lớn; về con chung nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn bà P đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sìn Thị H1, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với cháu Sìn Văn H hiện đã trên 18 tuổi nên không có yêu cầu gì; về tài sản công nợ chung bà P xin tự thỏa không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh tham gia phiên toà có quan điểm:

1. Việc chấp hành pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Sìn A C và bà Cháng Thị P.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung là cháu Sìn Thị H1, sinh ngày 15/8/2007 cho bà Cháng Thị P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H1 trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Sìn A C không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Sìn A C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^d.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến, kết quả tranh luận tại phiên tòa của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Minh.

[1] Về Việc chấp hành pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn, bị đơn dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ pháp luật Tổ tụng dân sự đã quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn ông Sìn A C khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà Cháng Thị P tại Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Sìn A C và bà Cháng Thị P chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2002 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới cho về chung sống như vợ chồng theo phong tục của địa phương và không có đăng ký kết hôn. Nhận thấy việc ông C và bà P chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ, giữa vợ chồng, tuy nhiên quá trình chung sống giữa ông C và bà P có với nhau 02 con chung, trong đó 01 con chung đã trên 18 tuổi, nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với con chung dưới 18 tuổi là cháu Sìn Thị H1. Do vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông C và bà P đồng thời giải quyết yêu cầu của các đương sự về con chung.

[4] Về con chung: Tại phiên Tòa các đương sự đều xác nhận hiện tại 02 con chung là cháu Sìn Văn H, sinh ngày 02/9/2003, cháu Sìn Thị H1, sinh ngày 15/8/2007. Các đương sự đều thỏa thuận nếu trường hợp Tòa giải quyết ly hôn, thì giao cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sìn Thị H1, cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời

điểm giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với cháu Sìn Văn H hiện đã trên 18 tuổi nên không có yêu cầu gì. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự về con chung là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Tại phiên tòa các đương sự một lần nữa đều có ý kiến xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Sìn A C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Do vậy quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật cần được chấp nhận; đối với quan điểm của bị đơn bà Cháng Thị P đề nghị Tòa giải quyết cho bà và ông C được đoàn tụ là không có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Sìn A C và bà Cháng Thị P.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung là cháu Sìn Thị H1, sinh ngày 15/8/2007 cho bà Cháng Thị P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H1 trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông Sìn A C không phải cấp dưỡng nuôi con. Thời điểm giao con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Buộc nguyên đơn ông Sìn A C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp tại biên lai thu tiền số 51BB-21P

0005048, ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về Thi hành án dân sự: Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Yên Minh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Minh;
- UBND xã N, huyện Y;
- Lưu HS ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Đạng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lệnh Đức Tuyển Vừ Thị Chở

Hoàng Văn Đạng